

LĐ VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/12/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+CTK3+GTc1	7:30	19+0+0	0+0+0		17+4+1	0+0+0	chuyen 1 ctk3-gtc1
2		TD5+TD2+P5	7:30	15+2+2	0+0+0		14+3+5	0+0+0	
3		TD5+TTC1+TD3	9:30	9+0+0	0+0+0		3+12+5	0+0+0	

TTBĐSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD3 - CTK3 - GTC1	CREW: DUONG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/5232	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	08	1	9	4	73	76	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	11	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	09	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
4	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	23-24	2	17			90	KHOAN	Vietnamese
5	BUI CÔNG SƠN	TD3	05-06	2	5			71	KHOAN	Vietnamese
6	LE VĂN LY	TD3	01	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	19	1	2			93	KHOAN	Vietnamese
8	SAIFUDDIN BIN KASIM	TD3	02-03	2	17			80	DAI LAM	Malaysian
9	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	12	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUAN CUONG	TD3	20	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD3	17	1	2			75	KHOAN	Vietnamese
12	VU TIEN DUNG	TD3	07	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	13-14	2	15			84	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG THANH TU	TD3						85	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO TIÊN THIẾT	TD3	21-22	2	14			54	KHOAN	Vietnamese
16	LE VĂN NGHĨA	TD3	04	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
17	LƯƠNG XUAN ĐƯỢC	TD3	15-16	2	8			66	PSV	Vietnamese
18	HỒ SY THANH	TD3	18	1	4			58	PSV	Vietnamese
19	PHAN CHÍNH QUY	TD3	10	1	5			72	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	19	1.378	24	143	4	73	17		
2	CTK3	0	0	0	0	0	0	4	CHUYỂN 01 PAX TỪ CTK3 SANG GTC1	
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.378</b>	<b>24</b>	<b>143</b>	<b>4</b>	<b>73</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.378</b>		<b>143</b>		<b>73</b>			

GRAND TOAL: 1.594 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC

\* PAX mang bin sạc dự phòng:

- Nguyễn Nam Cường



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - TD2 - P5	CREW: VTHANG - TTRUNG - QTRUONG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/5236	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ VĂN HUNG	TD5	21	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
2	BAO NGUYEN LỘC*	TD5	08	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN HIEN	TD5	06	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LUAN	TD5	09	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH ANH TRUONG	TD5	07	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN HÀ MINH TUẤN	TD5	05	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG HÙNG	TD5	10-11	2	19			73	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN TOÀN	TD5	19-20	2	10	5	95	62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEN	TD5	22	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEU	TD5	13	1	10	1	15	83	KHOAN	Vietnamese
11	HÀ MẠNH HAI*	TD5	15-16	2	20			71	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN SY LÊ	TD5	23-24	2	13			54	KHOAN	Vietnamese
13	QUACH VĂN TÔI	TD5	17-18	2	17			81	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VIỆT LINH	TD5	12	1	6			111	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	TD5	04	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC THANG	TD2	28	1	13			62	BSY	Vietnamese
17	PHAM TUNG VY	P5	73-74	2	20			65	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC BINH	P5	75	1	15	3	50	65	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	15	1.089	20	144	6	110	14		
2	TD2	1	62	1	13	0	0	3		
3	P5	2	130	3	35	3	50	5		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.281</b>	<b>24</b>	<b>192</b>	<b>9</b>	<b>160</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.281</b>		<b>192</b>		<b>160</b>			

GRAND TOAL: 1.633 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN THẮNG   
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: xanh-2	TO: TD5 - TTC1 - TD3	CREW: DUONG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/5233	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ NGỌC QUANG	TD5	47	1	6			60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN THÈ HUY	TD5	32	1	11			79	CODIEN	Vietnamese
3	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	33	1	6			71	DVL	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG QUY	TD5	34	1	11	3	85	74	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HOAN	TD5	35	1	5	1	17	79	DVL	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN DÂN	TD5	46	1	7			63	XAYLAP	Vietnamese
7	QUẦN HỒNG QUANG	TD5	40	1	9	5	78	68	XAYLAP	Vietnamese
8	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	31	1	6			93	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HÙNG	TD5	30	1	4			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	9	647	9	65	9	180	3		
2	TTC1	0	0	0	0	3	51	12		
3	TD3	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		9	647	9	65	12	231	20		
WEIGHT KG			647		65		231			

GRAND TOAL: 943 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC